

Bản án số: 247/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2022/HNGĐ-TLST ngày 11/10/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2022/QĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Kim Thị Thu H1**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

(Anh H, chị H1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị H1 tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương ngày 17/11/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng nhau ở Việt Nam khoảng 1 năm thì anh sang Nhật Bản lao động, đến năm 2015 chị H1 cũng sang Nhật Bản lao động, nhưng không ở cùng nhau. Thời gian đầu khi sang Nhật Bản vợ chồng có liên lạc,

nhưng sau đó anh được biết chị H1 có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên chị H1 không còn liên lạc với anh. Khoảng năm 2019 chị H1 bị trục xuất về Việt Nam, chị H1 đã từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án, nhưng do chưa thống nhất được về vấn đề tài sản nên anh chị chưa gửi thủ tục ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 không có con chung, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Kim Thị Thu H1 hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc, do anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H1 nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị H1 tại gia đình. Ông Kim Văn T là bố đẻ chị H1 cung cấp, chị H1 có thời gian sang Nhật Bản lao động, nhưng do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H1 đã về Việt Nam để làm đơn ly hôn, tuy nhiên anh H không đồng ý. Đến năm 2018 chị H1 tiếp tục đi Hàn Quốc lao động, từ khi đi đến nay chị H1 chưa về Việt Nam ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H1. Tuy nhiên chị H1 thường xuyên gọi điện về cho ông. Ông T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H1 biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình chị H1 có quan điểm, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H có đơn xin ly hôn chị cũng nhất trí. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh H, chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị H1. Về án phí: anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Kim Thị Thu H1 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Hiện chị H1 đang sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 ở Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị H1 cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị H1 cho thấy, chị H1 thường xuyên liên lạc với bố đẻ là ông Kim Văn T. Ông T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H1 biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh H có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Chị H1 đã được gia đình thông báo các vấn đề tố tụng của Tòa án và cũng có quan điểm giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn H và chị Kim Thị Thu H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương ngày 17/11/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mặc dù chị H1 có thời gian sang Nhật Bản làm việc nhưng vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị H1. Thông qua gia đình chị H1 cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H, chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Kim Thị Thu H1 không có con chung, ly hôn Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Kim Thị Thu H1.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001661 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Kim Thị Thu H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hưng Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền